



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

# CÔNG BÁO

*Tỉnh Đắk Lắk*

Số 50

Ngày 14 tháng 10 năm 2022

## MỤC LỤC

Trích yếu nội dung

Trang

### VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

#### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

06-10-2022	Quyết định số 38/2022/QĐ-UBND ban hành quy định bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành, sử dụng công trình trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.	2
13-10-2022	Quyết định số 39/2022/QĐ-UBND ban hành Quy chế nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức thuộc UBND tỉnh Đắk Lắk quản lý.	12

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 38/2022/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 06 tháng 10 năm 2022

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành quy định bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành, sử dụng công trình trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013;*

*Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ khoản 11 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều;*

*Căn cứ Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 13/TTr-SNN ngày 05 tháng 7 năm 2022; Công văn số 2822/SNN-PCTT ngày 06 tháng 9 năm 2022.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành, sử dụng công trình trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

**Điều 2.** Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn tổ chức kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày 16 tháng 10 năm 2022.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Phạm Ngọc Nghị**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

## **QUY ĐỊNH**

### **Bảo đảm yêu cầu Phòng, chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành, sử dụng công trình trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 38/2022/QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)*

## **Chương I QUY ĐỊNH CHUNG**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định cụ thể về các tiêu chí bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong sử dụng công trình, nhà ở đối với hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh; bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành và sử dụng khu khai thác khoáng sản và khu khai thác tài nguyên khác; khu đô thị; điểm du lịch, khu du lịch; khu công nghiệp; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực và công trình hạ tầng kỹ thuật khác trên địa bàn tỉnh.

### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Quy định này áp dụng đối với các hộ gia đình, cá nhân sử dụng công trình, nhà ở trên địa bàn tỉnh; đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có các hoạt động liên quan đến công tác bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành và sử dụng đối với công trình trên địa bàn tỉnh được quy định tại Điều 1 Quy định này.

**Điều 3. Nguyên tắc bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng khu khai thác khoáng sản và khu khai thác tài nguyên khác; khu đô thị; điểm du lịch, khu du lịch; khu công nghiệp; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực và công trình hạ tầng kỹ thuật khác hoặc công trình, nhà ở thuộc quyền sở hữu của hộ gia đình, cá nhân**

1. Tuân thủ các nguyên tắc cơ bản trong phòng, chống thiên tai được quy định tại Điều 4 Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013 và nguyên tắc đảm bảo yêu cầu phòng, chống thiên tai được quy định tại Điều 4 Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT ngày 27/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy định bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác.

2. Tuân thủ các quy định về bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa công trình.

3. Phát hiện và xử lý kịp thời, hiệu quả sự cố công trình và các hoạt động gia tăng rủi ro thiên tai.

## **Chương II**

### **QUY ĐỊNH TIÊU CHÍ BẢO ĐẢM YÊU CẦU PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI ĐỐI VỚI QUẢN LÝ, VẬN HÀNH, SỬ DỤNG CÔNG TRÌNH, NHÀ Ở THUỘC QUYỀN SỞ HỮU HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN**

#### **Điều 4. Tiêu chí đảm bảo yêu cầu phòng, chống thiên tai đối với công trình, nhà ở trong giai đoạn thiết kế, chuẩn bị triển khai xây dựng**

1. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Buôn Hồ, thành phố Buôn Ma Thuột có biện pháp triển khai tuyên truyền, hướng dẫn và phổ biến sâu rộng đến từng địa bàn để nhân dân biết, áp dụng các kỹ thuật xây dựng nhà đảm bảo theo tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành và lồng ghép các yếu tố đảm bảo yêu cầu về phòng chống thiên tai, không xây dựng nhà ở tại khu vực có thể bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi thiên tai.

2. Trong quá trình cấp phép xây dựng và thực hiện công tác quản lý xây dựng theo chức năng, các cơ quan chuyên môn lưu ý hướng dẫn người dân, đơn vị tư vấn và nhà thầu thi công trong khi thiết kế và thi công công trình thực hiện theo “Hướng dẫn nhà an toàn theo các cấp bão” được ban hành kèm theo Công văn số 1145/BXD-KHCN ngày 28/5/2015 của Bộ Xây dựng.

#### **Điều 5. Tiêu chí đảm bảo yêu cầu phòng, chống thiên tai đối với công trình, nhà ở đang triển khai thi công xây dựng**

1. Có biện pháp đảm bảo an toàn cho người, thiết bị, công trình và các công trình lân cận trong mùa mưa bão. Trường hợp có sử dụng máy vận thăng, các thiết bị làm việc trên cao, máy ép cọc, đóng cọc, các loại máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động phải thực hiện nghiêm túc việc quản lý, vận hành, kiểm định an toàn theo quy định tại Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ, quy định chi tiết một số điều của Luật an toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, về sinh lao động và quan trắc môi trường lao động; Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Thông tư số 29/2016/TT-BXD ngày 29/12/2016 của Bộ Xây dựng về việc ban hành quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn đối với cần trục tháp, máy vận thăng và sàn treo nâng người sử dụng trong thi công xây dựng.

2. Đối với công trình đang thi công có sử dụng hệ thống giàn giáo bao che: Thường xuyên thực hiện kiểm tra biện pháp giằng, neo của hệ thống bao che; kiểm tra kết cấu hệ đỡ với kết cấu công trình, đảm bảo các yêu cầu về an toàn khi lắp dựng, sử dụng, bảo trì, tháo dỡ giàn giáo theo Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam TCXDVN 296:2004 “Giàn giáo - Các yêu cầu về an toàn”. Có biện

pháp tăng tính ổn định của toàn bộ hệ thống kết cấu bao che đảm bảo ổn định vào mùa mưa bão.

**Điều 6. Tiêu chí đảm bảo yêu cầu phòng, chống thiên tai đối với công trình, nhà ở đã đưa vào khai thác sử dụng**

1. Hộ gia đình, cá nhân sử dụng chủ động nâng cấp, bảo vệ công trình, nhà ở thuộc quyền sở hữu của mình bảo đảm an toàn trước thiên tai hoặc di dời đến nơi an toàn.

2. Trước mùa mưa bão hàng năm, yêu cầu các hộ gia đình, cá nhân sở hữu công trình, nhà ở thực hiện các nội dung sau:

- Gia cố, giằng chống đảm bảo an toàn nhà ở; đối với công trình sử dụng mái tôn, mái fibro xi măng, trần nhựa, cửa kính, bồn chứa nước trên cao phải được kiểm tra, rà soát và có biện pháp sửa chữa, gia cường (áp dụng các phương án đánh giá mức độ an toàn và kỹ thuật giằng chống nhà cửa đảm bảo an toàn theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng về “Hướng dẫn nhà an toàn theo các cấp bão”.

- Rà soát, kiểm tra các cây tán cao khu vực xung quanh công trình và có phương án chặt tỉa cành cây tránh cây gãy đổ gây thiệt hại.

3. Đối với các công trình, nhà ở tại khu vực có nguy cơ sạt lở đất như bờ sông, bờ suối cần liên hệ cơ quan có chức năng để đánh giá độ đảm bảo an toàn sử dụng, cảnh báo và có phương án xử lý kịp thời.

**Chương III**

**QUY ĐỊNH BẢO ĐẢM YÊU CẦU PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI ĐỐI VỚI VIỆC QUẢN LÝ, VẬN HÀNH, SỬ DỤNG KHU KHAI THÁC KHOÁNG SẢN VÀ KHU KHAI THÁC TÀI NGUYÊN KHÁC; KHU ĐÔ THỊ; ĐIỂM DU LỊCH, KHU DU LỊCH; KHU CÔNG NGHIỆP; ĐIỂM DÂN CƯ NÔNG THÔN; CÔNG TRÌNH PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI; CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG, ĐIỆN LỰC VÀ CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHÁC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

**Điều 7. Nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành và sử dụng khu khai thác khoáng sản và khu khai thác tài nguyên khác; khu đô thị; điểm du lịch, khu du lịch; khu công nghiệp; điểm dân cư nông thôn**

1. Nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành và sử dụng khai thác khoáng sản và khu khai thác tài nguyên khác

a) Thực hiện các quy định: tại Điều 5, Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; tại khoản 12, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng chống thiên tai và Luật Đê điều.

b) Xây dựng phương án giằng néo kèo cột, che chắn và chống tốc mái cho nhà xưởng, nhà làm việc, nhà ở cho công nhân nội trú (nếu có), kho tàng, đặc biệt là các kho chứa thành phẩm, bán thành phẩm; khơi thông cống rãnh thoát nước nội bộ tránh xảy ra ngập cục bộ; duy trì sự làm việc bình thường của các

máy phát điện dự phòng để chủ động cung cấp điện trong các tình huống bất khả kháng do thiên tai gây ra.

c) Khai thác theo đúng hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, thiết kế mỏ, ranh giới, diện tích, độ sâu cho phép; có biện pháp giảm độ sâu phần đáy moong, thoát nước không để tạo thành hồ chứa nước nhằm bảo đảm an toàn.

d) Rào, chắn xung quanh khu vực đã tác động khai thác, phía trên các vách moong hiện hữu (đặc biệt là khu vực đã tạo thành hồ chứa nước), cấm biển báo nguy hiểm, bố trí lực lượng bảo vệ thường xuyên kiểm tra không để người dân, gia súc vào khu vực mỏ (đặc biệt nghiêm cấm việc tắm, bơi lội tại hồ chứa nước, đi lại trên vách, bờ moong). Thường xuyên kiểm soát khu vực khai thác khoáng sản và các khu vực khác có liên quan; trường hợp có dấu hiệu không bảo đảm an toàn, sạt, trượt, lở đất, đá phải dừng ngay hoạt động khai thác, chế biến, đồng thời có biện pháp khắc phục kịp thời và báo cáo ngay cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định.

2. Nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành và sử dụng khu công nghiệp

a) Thực hiện các quy định: tại Điều 5, Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; tại khoản 12, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng chống thiên tai và Luật Đê điều.

b) Tiến hành các biện pháp gia cố, giằng chống bảo đảm an toàn trước mùa mưa bão (đặc biệt hệ thống mái tôn, vách tôn, trần nhựa, cửa kính, thiết bị máy móc).

c) Tháo dỡ các thiết bị, bộ phận không bảo đảm an toàn khi có mưa bão.

3. Nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành và sử dụng điểm dân cư nông thôn

a) Thực hiện các quy định: tại Điều 5, Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; tại khoản 12, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng chống thiên tai và Luật Đê điều.

b) Thông báo và yêu cầu người dân, chủ sở hữu thực hiện gia cố, giằng chống bảo đảm an toàn nhà ở trước mùa mưa bão.

c) Thực hiện việc đánh giá, cảnh báo cho người dân đang sinh sống và làm việc trong các công trình xây dựng tại các khu vực có nguy cơ sạt lở đất (như: các sườn dốc, bờ sông, bờ suối), khu vực thường xuyên xảy ra lũ ống, lũ quét.

d) Bảo đảm an toàn điện, cung cấp nước sạch cho người dân tại các vùng bị ngập úng.

đ) Thực hiện việc nạo vét kênh mương, cửa lấy nước, đào ao trữ nước, lắp đặt và vận hành các trạm bơm dã chiến; chuẩn bị, bố trí phương tiện vận chuyển nước sạch để kịp thời cấp nước sinh hoạt cho nhân dân trong các điểm dân cư nông thôn tại các vùng thiếu nước nghiêm trọng khi hạn hán xảy ra.

4. Nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành và sử dụng điểm du lịch, khu du lịch

a) Thực hiện các quy định: tại Điều 5, Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; tại khoản 12, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng chống thiên tai và Luật Đê điều.

b) Theo dõi chặt chẽ diễn biến tình hình thời tiết để chủ động phòng tránh, hướng dẫn cần thiết, bảo đảm tuyệt đối an toàn cho người lao động cũng như khách du lịch vào tham quan, đồng thời chủ động ngừng phục vụ khách du lịch trước, trong thời gian xảy ra mưa to, lũ, ảnh hưởng bão.

c) Đối với các điểm du lịch, khu du lịch tại các vùng trũng thấp, ven sông phải chuẩn bị sẵn sàng và triển khai kịp thời phương án sơ tán, di dời, bảo đảm an toàn tuyệt đối cho du khách và tài sản khi có gió mạnh, mưa lớn hoặc ngập lụt...

5. Nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành và sử dụng khu đô thị

a) Thực hiện các quy định: tại Điều 5, Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; tại khoản 12, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng chống thiên tai và Luật Đê điều.

b) Thông báo và yêu cầu người dân, chủ sở hữu thực hiện kiểm tra, gia cố, giăng chống bảo đảm an toàn nhà ở trước mùa mưa bão.

c) Xây dựng phương án bảo đảm tiêu thoát nước đô thị, chống ngập úng; thường xuyên rà soát, kiểm tra hệ thống tiêu thoát nước của khu vực đô thị nhằm bảo đảm việc chống ngập úng khi có mưa, lũ.

d) Cắt tía cây xanh đô thị bảo đảm an toàn cho người dân trong mùa mưa bão; bảo đảm an toàn điện, cung cấp nước sạch cho người dân tại các vùng bị ngập úng.

**Điều 8. Nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng công trình phòng, chống thiên tai; công trình giao thông, điện lực và công trình hạ tầng kỹ thuật khác.**

1. Thực hiện các quy định chung, quy định cụ thể và quy chuẩn kỹ thuật liên quan đến nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành và sử dụng công trình theo quy định của pháp luật về phòng, chống thiên tai.

2. Xây dựng phương án bảo đảm an toàn đối với công trình đang thi công xây dựng; lập và thực hiện biện pháp bảo đảm an toàn cho người, thiết bị, công trình và các công trình lân cận, đặc biệt công tác bảo đảm an toàn đối với cần trục tháp, máy vận thăng và các thiết bị làm việc trên cao trong mùa mưa lũ.

3. Đo đạc, quan trắc, theo dõi, giám sát an toàn công trình, khu vực chịu tác động khi vận hành công trình và thiên tai ảnh hưởng đến an toàn công trình.



a) Thực hiện thường xuyên việc đo đạc, quan trắc, theo dõi, giám sát công trình, vận hành công trình và khu vực chịu tác động do vận hành công trình, chú trọng các khu vực trọng điểm xung yếu của công trình, hạng mục công trình, khu vực có nguy cơ cao gia tăng rủi ro thiên tai khi vận hành công trình theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định của pháp luật có liên quan.

b) Thực hiện đo đạc, quan trắc, theo dõi, cập nhật thông tin diễn biến thiên tai ảnh hưởng trực tiếp đến an toàn công trình, hạng mục công trình theo quy định.

4. Thực hiện duy tu bảo dưỡng công trình, hạng mục công trình theo quy định về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng, quy định của pháp luật khác có liên quan.

5. Kiểm tra biện pháp bảo đảm đảm an toàn cho các công trình, đặc biệt đối với các công trình đặt tại các vị trí xung yếu như: Ven sông, khu vực thường xuyên chịu tác động của mưa, lũ, khu vực có nguy cơ sạt lở đất, khu vực đông dân cư.

a) Kiểm tra, đánh giá thường xuyên và định kỳ về hiện trạng an toàn công trình, hạng mục công trình để nắm bắt kịp thời hiện trạng công trình.

b) Ngay sau khi có cảnh báo thiên tai phải kiểm tra, đánh giá hiện trạng an toàn công trình; thực hiện các biện pháp chủ động phòng chống, xử lý kịp thời các hư hỏng để bảo đảm an toàn công trình, hạng mục công trình trước thiên tai.

c) Kết thúc đợt thiên tai phải thực hiện kiểm tra, đánh giá hiện trạng công trình, hạng mục công trình nhằm phát hiện các hư hỏng (nếu có); đề xuất biện pháp và kế hoạch sửa chữa, khắc phục.

6. Sửa chữa, xử lý sự cố ảnh hưởng đến an toàn phòng, chống thiên tai đối với công trình hoặc hạng mục công trình.

a) Tổ chức sửa chữa hư hỏng và xử lý kịp thời sự cố công trình, hạng mục công trình bảo đảm chất lượng, ứng phó hiệu quả với các tình huống thiên tai.

b) Xử lý, ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm ảnh hưởng đến an toàn công trình, hạng mục công trình hoặc làm gia tăng nguy cơ rủi ro thiên tai.

c) Trường hợp hư hỏng, sự cố và các tình huống ảnh hưởng đến an toàn công trình, hạng mục công trình vượt quá khả năng phải kịp thời báo cáo UBND cấp trực tiếp quản lý hoặc cơ quan quản lý cấp trên để được hỗ trợ.

7. Tổ chức xây dựng, rà soát, điều chỉnh, bổ sung hằng năm phương án ứng phó thiên tai theo quy định của Luật Phòng, chống thiên tai và các quy định khác có liên quan.

8. Xây dựng, phê duyệt quy trình vận hành công trình (*đối với công trình phải xây dựng quy trình vận hành*).

a) Tổ chức xây dựng, phê duyệt quy trình vận hành theo quy định của pháp luật về quản lý công trình.

b) Khi vận hành công trình phải thực hiện thông tin, cảnh báo đến cơ quan, tổ chức cá nhân có liên quan và chính quyền nơi chịu tác động của quá

trình vận hành, nhất là trong tình huống thiên tai đang diễn ra tại khu vực công trình và vùng bị tác động của quá trình vận hành.

c) Quá trình thực hiện vận hành phải được ghi chép đầy đủ vào nhật ký vận hành công trình và được kiểm tra, giám sát.

9. Ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai theo quy định.

a) Chủ động chuẩn bị lực lượng, vật tư, phương tiện, thiết bị, nhu yếu phẩm theo phương châm "04 tại chỗ"; Lựa chọn phương án, biện pháp và tổ chức thực hiện ứng phó phù hợp với diễn biến thiên tai và điều kiện thực tế của địa phương.

b) Tổng hợp, báo cáo kịp thời, chính xác tình hình thiệt hại do thiên tai gây ra đối với công trình.

c) Trường hợp sự cố công trình do thiên tai ảnh hưởng đến an toàn công trình, hạng mục công trình vượt quá khả năng phải kịp thời báo cáo UBND cấp trực tiếp quản lý hoặc cơ quan quản lý cấp trên để được hỗ trợ.

d) Sửa chữa, khôi phục, nâng cấp công trình bảo đảm vận hành ứng phó thiên tai.

10. Tổ chức lập và lưu trữ hồ sơ về quản lý công trình, cơ sở dữ liệu về thiên tai trong quản lý, vận hành và sử dụng công trình.

a) Hồ sơ quản lý công trình phải được lưu trữ bao gồm tài liệu thiết kế công trình; tài liệu sửa chữa lớn, nâng cấp công trình; tài liệu về kiểm định, bảo trì, duy tu bảo dưỡng công trình; các biên bản, báo cáo kiểm tra mức độ an toàn phòng, chống thiên tai; phương án ứng phó thiên tai; quy trình vận hành công trình và các tài liệu khác liên quan đến an toàn về phòng, chống thiên tai (*đối với công trình phải xây dựng quy trình vận hành*).

b) Thông tin, dữ liệu về thiên tai ảnh hưởng đến công trình phải được cập nhật thường xuyên bao gồm thiên tai ảnh hưởng trực tiếp đến an toàn công trình và thiệt hại do thiên tai gây ra đối với công trình.

c) Hồ sơ quản lý công trình, thông tin, dữ liệu về thiên tai phải được lưu trữ có hệ thống tại tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý, vận hành và sử dụng công trình.

11. Đối với công trình phòng chống thiên tai thuộc lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn nội dung yêu cầu đảm bảo phòng chống thiên tai thực hiện theo quy định tại Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 11 Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Điều Điều

## **Chương IV** **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 9. Trách nhiệm tổ chức thực hiện**

Các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện bảo đảm yêu cầu Phòng, chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành, sử dụng công trình trên địa bàn tỉnh theo quy định này và các quy định của Luật Phòng chống thiên tai; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng

chống thiên tai và Luật Đê điều; Nghị định số 66/2021/NĐ-CP và Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT.

**Điều 10. Điều khoản thi hành**

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các cơ quan, địa phương, đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (cơ quan thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh) để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 39/2022/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 13 tháng 10 năm 2022

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy chế nâng bậc lương trước thời hạn  
do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ của cán bộ,  
công chức, viên chức thuộc UBND tỉnh Đắk Lắk quản lý**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008; Luật Viên chức ngày 15/11/2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019;*

*Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 26/11/2003; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 14/6/2005 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 16/11/2013;*

*Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; Nghị định số 14/2012/NĐ-CP ngày 07/3/2012 của Chính phủ về sửa đổi Điều 7 Nghị định số 204/2004/NĐ-CP và Mục I Bảng phụ cấp chức vụ lãnh đạo (bầu cử, bổ nhiệm) trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp của Nhà nước, cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân và Công an nhân dân ban hành kèm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP; Nghị định số 17/2013/NĐ-CP ngày 19/02/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;*

*Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;*

*Căn cứ Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;*

*Căn cứ Thông tư số 08/2013/TT-BNV ngày 31/7/2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc*

*lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; Thông tư số 03/2021/TT-BNV ngày 29/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung chế độ nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn và chế độ phụ cấp thâm niên vượt khung đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 596/TTr-SNV ngày 03/8/2022 và Công văn số 1985/SNV-CCVC ngày 26/9/2022.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức thuộc UBND tỉnh Đắk Lắk quản lý.

**Điều 2.** Giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện; tổ chức thanh tra, kiểm tra và báo cáo định kỳ hàng năm về kết quả thực hiện Quyết định này cho UBND tỉnh theo dõi và chỉ đạo.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 24/10/2022.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, Người đứng đầu các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch các Hội có tính chất đặc thù cấp tỉnh và Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Phạm Ngọc Nghị**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY CHẾ**

**Nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc  
trong thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức  
thuộc UBND tỉnh Đắk Lắk quản lý**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 39/2022/QĐ-UBND  
Ngày 13 tháng 10 năm 2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk)*

## **Chương I QUY ĐỊNH CHUNG**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quy chế này quy định về việc nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ đối với cán bộ, công chức, viên chức; cán bộ, công chức cấp xã thuộc UBND tỉnh Đắk Lắk quản lý.

2. Những nội dung có liên quan đến việc nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ nhưng không quy định tại quy chế này thì thực hiện theo các văn bản pháp luật hiện hành.

### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Các sở, ban, ngành; các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố; các hội có tính chất đặc thù cấp tỉnh (sau đây gọi tắt là các cơ quan, đơn vị).

2. Các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc các sở, ban, ngành; các phòng chuyên môn, các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND cấp xã (sau đây gọi tắt là các đơn vị trực thuộc).

3. Cán bộ, công chức, viên chức; cán bộ, công chức cấp xã (sau đây gọi tắt là cán bộ, công chức, viên chức), bao gồm:

a) Cán bộ, công chức và cán bộ, công chức cấp xã trong các cơ quan hành chính đã được xếp lương theo ngạch công chức quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ;

b) Viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập đã được xếp lương theo chức danh nghề nghiệp quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ;

c) Cán bộ, công chức, viên chức và người làm việc trong các Hội có tính chất đặc thù quy định tại Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ và Quyết định số 68/2010/QĐ-TTg ngày 01/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định Hội có tính chất đặc thù đã được xếp lương theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ.

### **Điều 3. Nguyên tắc nâng bậc lương trước thời hạn**

1. Bảo đảm thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ; phân định rõ nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, đơn vị và phát huy đầy đủ trách nhiệm cá nhân trong thực hiện chế độ tiền lương, trước hết là trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị.

2. Việc xét và quyết định nâng bậc lương trước thời hạn phải bảo đảm công bằng, dân chủ, công khai nhằm động viên, khích lệ cán bộ, công chức, viên chức thi đua hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao và nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị.

3. Không thực hiện hai lần liên tiếp nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ.

4. Việc xét nâng bậc lương trước thời hạn được căn cứ vào thành tích cao nhất đạt được của cán bộ, công chức, viên chức; nếu thành tích cao nhất bằng nhau thì xét đến các thành tích khác; trường hợp có nhiều người có thành tích như nhau thì thực hiện ưu tiên theo quy định tại Điều 7 của Quy chế này;

5. Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức vừa thuộc đối tượng được xét nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ, vừa có thông báo nghỉ hưu thì được chọn một trong hai chế độ nâng bậc lương trước thời hạn.

6. Không xét nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức đang trong thời hạn xem xét xử lý kỷ luật, đang bị điều tra, truy tố, xét xử theo quy định của pháp luật.

## **Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

### **Điều 4. Thẩm quyền nâng bậc lương trước thời hạn**

Thẩm quyền xét, quyết định nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ đối với cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, công chức cấp xã được thực hiện theo phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức của UBND tỉnh và các quy định của pháp luật hiện hành.

### **Điều 5. Thời điểm xét, quyết định nâng bậc lương trước thời hạn**

1. Thời điểm xét nâng bậc lương trước thời hạn được thực hiện sau khi các cơ quan, đơn vị thực hiện xong công tác đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức của năm xét nâng bậc lương trước thời hạn.

2. Các cơ quan, đơn vị quyết định theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định nâng bậc lương trước thời hạn của cán bộ, công chức, viên chức được tiến hành xong đến hết quý I của năm liền kề với năm xét nâng bậc lương trước thời hạn. Trường hợp không thực hiện hết số người trong tỷ lệ được nâng bậc lương trước thời hạn của năm xét nâng bậc lương trước thời hạn (kể cả số người được cơ quan quản lý cấp trên giao thêm, nếu có) thì không được tính vào tỷ lệ nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc của các năm sau.

### **Điều 6. Tỷ lệ và cách tính số người nâng bậc lương trước thời hạn**

1. Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức được nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ, không vượt quá 10% tổng số cán bộ, công chức, viên chức trong danh sách trả lương của cơ quan, đơn vị tính đến ngày 31/12 của năm xét nâng bậc lương trước thời hạn của cơ quan, đơn vị.

2. Cách tính tỷ lệ được nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc được thực hiện theo đúng quy định tại Thông tư số 08/2013/TT-BNV ngày 31/7/2013 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức.

### **Điều 7. Thứ tự ưu tiên xem xét nâng bậc lương trước thời hạn**

1. Ưu tiên xét nâng bậc lương trước thời hạn cho cán bộ, công chức, viên chức được khen thưởng danh hiệu vinh dự nhà nước, danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng cao hơn trước.

2. Trường hợp có từ 02 người trở lên đạt tiêu chuẩn ngang nhau nhưng không đủ số lượng để nâng bậc lương trước thời hạn cho tất cả thì ưu tiên theo thứ tự sau:

a) Cán bộ, công chức, viên chức nếu không nâng bậc lương kỳ này thì không còn điều kiện để nâng bậc lương trước thời hạn (trừ trường hợp công chức, viên chức sẽ được nâng bậc lương trước thời hạn khi có thông báo nghỉ hưu ở mức có lợi hơn).

b) Cán bộ, công chức, viên chức có thành tích được công nhận và đủ điều kiện nâng bậc lương trước thời hạn từ kỳ xét nâng bậc lương trước đó nhưng chưa được xét vì hết chỉ tiêu theo quy định.



c) Cán bộ, công chức, viên chức ngoài các thành tích theo quy định còn các thành tích khác được cấp có thẩm quyền quyết định công nhận bằng văn bản.

d) Cán bộ, công chức, viên chức có sáng kiến, giải pháp công tác được cấp có thẩm quyền quyết định công nhận bằng văn bản.

đ) Cán bộ, công chức, viên chức có thời gian công tác tại cơ quan lâu hơn và chưa được nâng bậc lương trước thời hạn lần nào.

e) Cán bộ, công chức, viên chức có thời gian công tác tại cơ quan như nhau nhưng có hệ số lương thấp hơn.

g) Cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số.

h) Cán bộ, công chức, viên chức là nữ.

3. Trường hợp thành tích và thứ tự ưu tiên vẫn như nhau thì do Hội đồng xét nâng bậc lương trước thời hạn xem xét quyết định.

### **Điều 8. Tiêu chuẩn, điều kiện xét nâng bậc lương trước thời hạn**

Cán bộ, công chức, viên chức đạt tất cả các điều kiện sau đây thì được xét đề nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ:

1. Được cấp có thẩm quyền đánh giá và xếp loại chất lượng ở mức từ hoàn thành nhiệm vụ trở lên và không vi phạm kỷ luật một trong các hình thức khiển trách, cảnh cáo, giáng chức, cách chức trong thời gian giữ bậc lương. Đối với các đơn vị sự nghiệp giáo dục, đào tạo lấy kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng theo năm học; đối với các cơ quan, đơn vị còn lại lấy kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng theo quy định tại Nghị định số 90/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ đã được cấp có thẩm quyền quyết định công nhận bằng văn bản, chưa xếp vào bậc lương cuối cùng trong ngạch hoặc trong hạng chức danh nghề nghiệp và tính đến ngày 31 tháng 12 của năm xét nâng bậc lương trước thời hạn còn thiếu từ 12 tháng trở xuống để được nâng bậc lương thường xuyên thì được xét nâng một bậc lương trước thời hạn tối đa là 12 tháng.

**Điều 9. Xác định thành tích xét nâng bậc lương trước thời hạn**

1. Thành tích dùng để xét nâng bậc lương trước thời hạn được xác định theo thời điểm ban hành quyết định công nhận thành tích đạt được trong khoảng thời gian 06 năm gần nhất đối với các ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức yêu cầu trình độ đào tạo từ cao đẳng trở lên và 04 năm gần nhất đối với các ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức yêu cầu trình độ đào tạo từ trung cấp trở xuống tính đến ngày 31 tháng 12 của năm xét nâng bậc lương trước thời hạn.

2. Đối với trường hợp đã được nâng bậc lương trước thời hạn thì tất cả các thành tích đạt được trước ngày có quyết định nâng bậc lương trước thời hạn trong khoảng thời gian (06 năm hoặc 04 năm) quy định tại khoản 1 Điều này không được tính để xét nâng bậc lương trước thời hạn cho lần sau.

**Điều 10. Cấp độ thành tích xét nâng bậc lương trước thời hạn**

1. Nâng bậc lương trước thời hạn 12 tháng đối với cán bộ, công chức, viên chức hưởng lương cán sự và tương đương trở lên hoặc hưởng lương theo chức danh nghề nghiệp hạng III trở lên; 08 tháng đối với công chức, viên chức hưởng lương nhân viên hoặc hưởng lương theo chức danh nghề nghiệp hạng IV trở xuống, đạt một trong các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng sau:

a) Danh hiệu Anh hùng Lao động;

b) Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước;

c) Huân chương các hình thức;

d) Chiến sỹ thi đua toàn quốc;

đ) Danh hiệu vinh dự nhà nước (trừ danh hiệu Anh hùng Lao động);

e) Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ;

g) Chiến sỹ thi đua cấp bộ hoặc cấp tỉnh;

h) Có đề tài khoa học, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, giải pháp công tác được Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam cấp Bằng Lao động sáng tạo;

i) Một lần đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua cơ sở và một Bằng khen cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

2. Nâng bậc lương trước thời hạn 09 tháng đối với cán bộ, công chức, viên chức hưởng lương cán sự và tương đương trở lên hoặc hưởng lương theo chức danh nghề nghiệp hạng III trở lên; 06 tháng đối với công chức, viên chức hưởng lương nhân viên hoặc hưởng lương theo chức danh nghề nghiệp hạng IV trở xuống, đạt một trong các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng sau:

- a) Hai lần đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua cơ sở;
- b) Bằng khen cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

3. Nâng bậc lương trước thời hạn 06 tháng đối với cán bộ, công chức, viên chức hưởng lương cán sự và tương đương trở lên hoặc hưởng lương theo chức danh nghề nghiệp hạng III trở lên; 04 tháng đối với công chức, viên chức hưởng lương nhân viên hoặc hưởng lương theo chức danh nghề nghiệp hạng IV trở xuống, đạt một trong các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng sau:

- a) Một lần đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua cơ sở;
- b) Hai năm được tặng Giấy khen của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị;
- c) Hai năm được công nhận lao động tiên tiến và một Giấy khen của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị.

### **Điều 11. Hội đồng xét nâng bậc lương trước thời hạn**

1. Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị quyết định thành lập Hội đồng xét nâng bậc lương trước thời hạn từ 05 đến 09 thành viên, với cơ cấu như sau:

- a) Chủ tịch Hội đồng là người đứng đầu cơ quan, đơn vị;
- b) Phó Chủ tịch Hội đồng là các cấp phó của người đứng đầu cơ quan, đơn vị;
- c) Các Ủy viên Hội đồng:
  - Đại diện cấp ủy cùng cấp;
  - Đại diện công đoàn cùng cấp;
  - Đại diện các tổ chức chính trị- xã hội cùng cấp (nếu có);
  - Ủy viên kiêm thư ký Hội đồng là lãnh đạo cơ quan tham mưu về công tác tổ chức cán bộ của cơ quan, đơn vị.

2. Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị xây dựng quy chế hoạt động của Hội đồng xét nâng bậc lương trước thời hạn đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ và đúng quy định pháp luật.

### **Điều 12. Trình tự, thủ tục nâng bậc lương trước thời hạn**

Trình tự, thủ tục nâng bậc lương trước thời hạn được thực hiện theo thứ tự từ khoản 1 đến khoản 7, cụ thể như sau:

1. Vào quý IV hàng năm, các cơ quan, đơn vị trực thuộc có văn bản báo cáo về kết quả nâng bậc lương trong năm (*kèm theo mẫu số 1 Thông tư số 08/2013/TT-BNV*) cho cơ quan, đơn vị cấp trên trực tiếp để theo dõi và kiểm tra

về số người trong tỷ lệ được nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc của năm sau liền kề và số người dư ra dưới 10 người của cơ quan, đơn vị mình.

2. Cơ quan, đơn vị cấp trên trực tiếp thông báo số lượng người được nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc, kể cả số người giao thêm đối với cơ quan, đơn vị có số người trong danh sách trả lương dư ra dưới 10 người (bao gồm cơ quan, đơn vị dưới 10 người trong danh sách trả lương).

3. Các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc rà soát và đề nghị danh sách cán bộ, công chức, viên chức đủ điều kiện, tiêu chuẩn và theo số lượng nâng bậc lương trước thời hạn gửi về cơ quan làm công tác tổ chức cán bộ để tổng hợp.

4. Cơ quan làm công tác tổ chức cán bộ tổng hợp danh sách, hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức đề nghị xét nâng bậc lương trước thời hạn, kể cả cán bộ, công chức, viên chức tại các phòng, ban chuyên môn thuộc các cơ quan, đơn vị và tham mưu Hội đồng xét nâng bậc lương trước thời hạn xem xét.

5. Hội đồng xét nâng bậc lương trước thời hạn.

6. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị quyết định nâng bậc lương trước thời hạn hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định nâng bậc lương trước thời hạn theo thẩm quyền được phân cấp.

7. Thông báo công khai danh sách những người được nâng bậc lương trước thời hạn trong cơ quan, đơn vị.

### **Điều 13. Hồ sơ nâng bậc lương trước thời hạn**

1. Các cơ quan, đơn vị đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh quyết định nâng bậc lương trước thời hạn hoặc đề nghị Sở Nội vụ cho ý kiến để các cơ quan, đơn vị quyết định nâng bậc lương trước thời hạn theo thẩm quyền phân cấp, gồm:

a) Hồ sơ đề nghị nâng bậc lương trước thời hạn:

- Tờ trình đề nghị của cơ quan, đơn vị;
- Biên bản họp Hội đồng xét nâng lương;
- Danh sách cán bộ, công chức, viên chức được đề nghị nâng bậc lương trước thời hạn (Phụ lục 1);
- Biểu tổng hợp số lượng và chỉ tiêu cán bộ, công chức, viên chức được xét nâng lương trước thời hạn của năm (Phụ lục 2);
- Các danh hiệu thi đua hoặc các hình thức khen thưởng hoặc quyết định công nhận (tặng thưởng) thành tích xuất sắc của cấp có thẩm quyền còn trong

thời hạn theo quy định và chưa được tính xét nâng bậc lương trước thời hạn trước đó;

- Quyết định nâng bậc lương gần nhất của cán bộ, công chức, viên chức.
- Thông báo nghỉ hưu (đối với trường hợp đề nghị nâng bậc lương trước thời hạn khi đã có thông báo nghỉ hưu).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ và gửi về Sở Nội vụ để thẩm định, cho ý kiến hoặc tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh quyết định chậm nhất trước ngày 28/02 của năm sau liền kề với năm xét nâng bậc lương trước thời hạn.

2. Đối với hồ sơ nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc thuộc thẩm quyền của Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị được áp dụng theo khoản 1 Điều này.

### **Chương III** **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 14. Các cơ quan, đơn vị**

1. Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố; các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh; các hội có tính chất đặc thù cấp tỉnh; các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và UBND các xã, phường, thị trấn chịu trách nhiệm thực hiện nội dung Quy chế này.

2. Định kỳ hàng năm báo cáo kết quả thực hiện Quy chế này về UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) để tổng hợp.

#### **Điều 15. Sở Nội vụ**

1. Theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện nghiêm túc Quy chế này.

2. Tham mưu UBND tỉnh thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện quy định về nâng bậc lương trước thời hạn tại các cơ quan, đơn vị. Kịp thời phát hiện các cơ quan, đơn vị thực hiện không đúng quy định, không đúng thẩm quyền phân cấp để chấn chỉnh và đề nghị UBND tỉnh xử lý theo quy định.

3. Tổng hợp báo cáo định kỳ hàng năm về kết quả thực hiện Quyết định này cho UBND tỉnh theo dõi và chỉ đạo.

#### **Điều 16. Tổ chức thực hiện**

Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu có nội dung chưa phù hợp hoặc cần bổ sung, sửa đổi, đề nghị các cơ quan, đơn vị kịp thời báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) để xem xét, quyết định./.



**Phụ lục II**  
**BIỂU TỔNG HỢP**  
**Số lượng và chỉ tiêu cán bộ, công chức, viên chức**  
**được xét nâng lương trước thời hạn năm .....**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 39/2022/QĐ-UBND ngày 13/10/2022*  
*của UBND tỉnh Đắk Lắk)*

STT	Tên cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc	Biên chế/số lượng người làm việc được giao	Số cán bộ, công chức, viên chức có mặt đến ngày 31/12 của năm xét nâng bậc lương trước thời hạn	Số cán bộ, công chức, viên chức được xét nâng bậc lương trước thời hạn		Ghi chú
				Thẩm quyền của các cơ quan, đơn vị	Thẩm quyền của UBND tỉnh và cho ý kiến của Sở Nội vụ	
1						
2						
3						
4						
....						
...						
<b>Tổng số</b>						

---

---

**VĂN PHÒNG UBND TỈNH ĐẮK LẮK XUẤT BẢN**

Địa chỉ : Số 09 Lê Duẩn - TP. Buôn Ma Thuật - tỉnh Đắk Lắk

Điện thoại : 080.50557 - 080.50584

Fax : 080.50554

E-mail: [congbao@daklak.gov.vn](mailto:congbao@daklak.gov.vn)

Website: <http://congbao.daklak.gov.vn>

In tại:

Giá: ..... đồng